



Name:.....

Class: 1Q....

PHIẾU GIAO BÀI TIẾNG ANH
(6-10/12/2021)

Nội dung tuần 2 tháng 12 môn Tiếng Anh	
Thứ 2	Review Final Term 1
Thứ 3	Review Final Term 1
Thứ 4	Review Final Term 1
Thứ 5	Review Final Term 1
Thứ 6	Review Final Term 1

Nội dung tuần 2 tháng 12 môn WB, GSP	
WB	Term 2: Take care of families and relationship Lesson 4: My special friend.
GSP	Term 2: Project 2 Lesson 4: Likes and dislikes

Nội dung bài về nhà thứ 2 (6/12)

1) Ôn tập từ vựng (nghe đọc theo 2-5 lần)

Unit 2. What's interesting about families?



sister



cousin



mum



uncle



brother



grandpa



dad



grandma



auntie



twin



tall



short



pretty



handsome



young



old

2) Con làm phiếu ôn tập trang 1,2 nếu con chưa hoàn thành.

3) Con luyện nói.

Who is this?

This is my sister.

What **does** she
look like?

She's young and
pretty.



Nội dung bài về nhà thứ 3 (7/12)

1) Ôn tập từ vựng (nghe đọc theo 2-5 lần)

Unit 3. What do we have fun?



kite



scooter



doll



teddy



robot



skateboard



yoyo



ball



skipping rope



boat



play football



play tennis



ride a horse



rollerblade



ride a bike



run

2) Con làm phiếu ôn tập trang 3,4 nếu con chưa hoàn thành.

3) Con luyện nói.

What is this?

It's a teddy./
This is a teddy.

Have you got a
teddy?

Yes, I have./
No, I haven't.



CHUẨN BỊ BÀI MÔN WELLBEING VÀ GLOBAL SKILLS PROJECTS.

WELLBEING: My special friend (Người bạn đặc biệt của tôi)

Từ vựng: kind, funny, caring, fair, lovely, brave

Con xem video về tình bạn và cùng suy nghĩ về người bạn đặc biệt của mình có những tính cách/ phẩm chất gì nhé.

GLOBAL SKILLS PROJECTS

Likes and dislikes (Best outdoor place)

Từ vựng: beach, forest, park, mountain, outdoor place.

Con xem video và cảm nhận về thiên nhiên, nơi mà con yêu thích nhất.

Nội dung bài về nhà thứ 4 (8/12)

1) Con luyện tập nói I-speak 13.

Con đóng vai tự hỏi và trả lời hoặc nhờ bố mẹ/ anh chị hỏi để con trả lời tất cả các câu hỏi sau. Gợi ý cách làm:

- Con dùng bức ảnh gia đình và đặt câu hỏi 1,2.

1. Who is this?

2. What does he/she look like?



- Con lấy một vài đồ chơi, hỏi và trả lời.

1. What is this?

2. Have you got a [ball]?

3. What have you got?



- Hỏi về mình/ người khác có thể làm gì.

1. What can you do?
2. ***What **can** your [sister] do?
*She **can** play tennis.*



2) Con làm phiếu ôn tập trang 5, 6 nếu con chưa hoàn thành.

Nội dung bài về nhà thứ 5 (9/12)

1) Ôn tập từ vựng (nghe đọc theo 2 lần), con có thể chép lại và học thuộc cách viết từ.

Unit 2. What's interesting about families?



sister



cousin



mum



uncle



brother



grandpa



dad



grandma



auntie



twin



tall



short



pretty



handsome



young



old

2) Con luyện nói I-speak 13.

3) Con làm phiếu ôn tập trang 7 nếu con chưa hoàn thành.

Nội dung bài về nhà thứ 6 (10/12)

1) Ôn tập từ vựng (nghe đọc theo 2 lần), con có thể chép lại và học thuộc cách viết từ.

Unit 3. What do we have fun?



kite



skateboard



play football



scooter



yoyo



play tennis



doll



ball



ride a horse



teddy



skipping rope



rollerblade



robot



boat



ride a bike



run

2) Con luyện nói I-speak 13.

3) Con làm phiếu ôn tập trang 8 nếu con chưa hoàn thành.

Chúc các con ôn thi tốt!